

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 198/2024/DS-PT

Ngày: 10 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp yêu
cầu BTTH về sức khỏe

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp yêu cầu BTTH về sức khỏe”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2024/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 242/2024/QĐPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị Bé B; Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn L; Địa chỉ: Số F, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lưu Thị Bé B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thị Bé B trình bày:

Vào khoảng 16 giờ ngày 05/5/2023, bà Bé B đang làm cỏ trên ruộng ầu của gia đình thì anh Nguyễn Tấn L dùng cuộc đánh bà vào vùng bụng, mặt, tay và đầu gây thương tích cho bà. Tổng chi phí điều trị và mất thu nhập của bà B gồm các khoản cụ thể như sau:

- Chi phí khám chữa bệnh và điều trị thương tích là: 794.660 đồng.
- + Tiền thuốc theo toa ngày 05/5/2023: 150.000 đồng.
- + Phiếu chụp X Quang ngày 05/5/2023: 65.400 đồng.
- + Hóa đơn bán hàng chẩn đoán hình ảnh ngày 05/5/2023: 99.900 đồng.
- + Hóa đơn bán hàng chẩn đoán hình ảnh ngày 08/5/2023: 211.180 đồng.
- + Hóa đơn bán hàng khám bệnh ngày 08/5/2023: 57.000 đồng.
- + Phiếu Siêu âm ngày 08/5/2023: 100.000 đồng.
- + Phiếu chụp X Quang ngày 08/5/2023: 111.180 đồng.
- Tiền mất thu nhập 13 ngày x 150.000 đồng/ngày = 1.950.000 đồng. Bà B làm nghề tự do.
- Tiền xe ôm khám bệnh ngày 05/5/2023 và ngày 08/5/2023: 150.000 đồng.

Tổng cộng là 2.894.660 đồng.

Nay nguyên đơn bà Lưu Thị Bé B yêu cầu anh Nguyễn Tấn L phải trả cho bà số tiền 2.894.660 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tấn L trình bày:

Vào ngày 05/5/2023, do bà vô vườn của anh L chặt cây, anh L không cho bà B vào nhưng bà B vẫn cố không chịu đi ra ngoài nên anh L kêu bà B ra, bà B không ra còn dùng dao chém anh L nên anh mới tự vệ đến xô bà B ngã té, anh L không có đánh bà B bằng cây cuốc. Nay anh Nguyễn Tấn L không đồng ý bồi thường thiệt hại cho bà B số tiền 2.894.660 đồng. Ngoài ra anh không có ý kiến khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2024/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ Điều 584, Điều 585, và Điều 590 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 26 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Tấn L phải bồi thường cho bà Lưu Thị Bé B số tiền cụ thể như sau:

+ 249.900 đồng (Hai trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm đồng) tiền thuốc,
+ 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền mất thu nhập,

+ 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền xe.

Tổng cộng là 1.449.9000 đồng (Làm tròn 1.450.000 đồng - Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn bà Lưu Thị Bé B có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc anh Nguyễn Tấn L bồi thường cho bà Lưu Thị Bé B số tiền như sau: Tiền thuốc theo toa ngày 05/5/2023: 150.000 đồng; Phiếu chụp X Quang mũi ngày 05/5/2023: 65.400 đồng; Hóa đơn bán hàng chẩn đoán hình ảnh ngày 05/5/2023: 99.900 đồng; Hóa đơn bán hàng chẩn đoán hình ảnh ngày 08/5/2023: 211.180 đồng; Hóa đơn bán hàng khám bệnh ngày 08/5/2023: 57.000 đồng; Phiếu Siêu âm ngày 08/5/2023: 100.000 đồng; Phiếu chụp X Quang ngày 08/5/2023: 111.180 đồng; T thuê xe khám bệnh: 150.000 đồng; Tiền mất thu nhập 13 ngày: 1.950.000 đồng. Tổng cộng buộc anh L phải bồi thường số tiền 2.894.660 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Bé B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Bé B yêu cầu phải có mặt anh L để xác định bà không có vào vườn ông L và yêu cầu ông L phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà tổng cộng bằng 2.894.660 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bé B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bé B không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Tấn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh L.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lưu Thị Bé B yêu cầu anh Nguyễn Tấn L phải bồi thường cho bà Bé B tổng cộng số tiền 2.894.660 đồng, gồm các khoản tiền: Tiền thuốc theo toa ngày 05/5/2023: 150.000 đồng; Phiếu chụp X Quang mũi ngày 05/5/2023: 65.400 đồng; Hóa đơn bán hàng chẩn đoán hình ảnh ngày 05/5/2023: 99.900 đồng; Hóa đơn bán hàng chẩn đoán hình ảnh ngày 08/5/2023: 211.180 đồng; Hóa đơn bán hàng khám bệnh ngày 08/5/2023: 57.000 đồng; Phiếu Siêu âm ngày 08/5/2023: 100.000 đồng; Phiếu chụp X Quang ngày 08/5/2023: 111.180 đồng; Ti thuê xe khám bệnh: 150.000 đồng; Tiền mất thu nhập 13 ngày: 1.950.000 đồng.

Xét cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé B, buộc bị đơn anh L phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn các khoản chi phí điều trị vết thương gồm: Chi phí khám chữa bệnh và điều trị thương tích: Tiền thuốc theo toa ngày 05/5/2023: 150.000 đồng (BL 69 và 62); Tiền hoá đơn bán hàng chẩn đoán hình ảnh ngày 05/5/2023: 99.900 đồng (BL 64); Chi phí thuê xe khám bệnh 150.000 đồng là chi phí phải có để thăm khám tại bệnh viện. Tổng cộng bằng 399.900 đồng là phù hợp với hành vi xâm phạm sức khỏe của bị đơn anh L và thiệt hại thực tế xảy ra cho bà Bé B.

Còn lại các hóa đơn chứng từ khác bà Bé B cung cấp và yêu cầu bồi thường như:

- Khoản tiền hoá đơn X Quang mũi ngày 05/5/2023: 65.400 đồng, khoản tiền này đã được tính chung vào hoá đơn bán hàng chẩn đoán hình ảnh ngày 05/5/2023: 99.900 đồng (BL 64) nên bà Bé B yêu cầu bồi thường là không có căn cứ chấp nhận.

- Hóa đơn bán hàng chẩn đoán hình ảnh ngày 08/5/2023: 211.180 đồng; Phiếu chụp X Quang ngày 08/5/2023: 111.180 đồng; Phiếu Siêu âm ngày 08/5/2023: 100.000 đồng; Hóa đơn bán hàng khám bệnh ngày 08/5/2023: 57.000 đồng. Tổng cộng: 479.360 đồng. Nội dung thể hiện bà Bé B khám và điều trị bệnh trào ngược dạ dày và các bệnh khác của bà Bé B, không liên quan đến chấn thương mà bà Bé B cho rằng do anh L gây ra cho bà nên cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[3] Đối với số tiền mất thu nhập bà Bé B kháng cáo yêu cầu anh L bồi thường 13 ngày công lao động tương đương số tiền 1.950.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu buộc anh L bồi thường tiền mất thu nhập 07 ngày cho bà Bé B tương đương số tiền 1.050.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Bởi vì, sau khi xảy ra sự việc bà Bé B không nhập viện, điều trị vết thương ngoại trú và theo đơn thuốc do bác sỹ kê cho bà Bé B là 05 ngày thuốc và không có giám định thương tích. Do đó, bà Bé B kháng cáo yêu cầu bồi thường mất thu nhập 13 ngày tương đương 1.950.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ các nhận định trên, yêu cầu kháng cáo của bà Bé B là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm đã xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bé B. Buộc anh L phải bồi thường cho bà B1 Ba số tiền: Tiền thuốc 249.900 đồng; tiền mất thu nhập 1.050.000 đồng và tiền xe 150.000 đồng. Tổng cộng bằng 1.449.900 đồng (làm tròn 1.450.000 đồng – Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, do sơ suất trong khâu rà soát bản án cấp sơ thẩm đã tuyên: Tổng cộng bằng 1.449.9000đồng (làm tròn 1.450.000 đồng – Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) là sai số. Do đó, cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về số liệu trên.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lưu Thị Bé B. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2024/DS-ST ngày 14/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Bé B.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn L phải bồi thường cho bà Lưu Thị Bé B số tiền 1.449.900 đồng (Làm tròn 1.450.000 đồng - Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bé B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- CA 01;
- TACC 01;
- VKSND TVL 01;
- TAND HLH 01;
- VKSND HLH 01;
- Chi Cục THADS HLH 01;
- Đương sự 02;
- HCTP 01;
- Phòng KTNV&THA 01;
- Lưu: 02.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Nữ Phà Ca